

PHÁP LUẬT CẠNH TRANH VỀ SÁNG CHẾ TIÊU CHUẨN CƠ BẢN THEO ĐIỀU KHOẢN CÔNG BẰNG, HỢP LÝ VÀ KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

TRƯƠNG TRỌNG HIẾU *

ĐẶNG HUỖNH THIÊN VY **

Tóm tắt: Trong khi luật sáng chế và các chế định pháp lý khác đang lung tung trong việc kiểm soát hành vi của chủ sở hữu sáng chế sau khi ghi nhận quyền của họ đối với sáng chế được tạo ra, luật cạnh tranh đã được các nước viện dẫn như là phương thức phù hợp và đang dần trở thành xu hướng cho tình huống đó. Từ thực tiễn vận dụng pháp luật của các nước, bài viết nêu rõ hiện trạng duy trì và lạm dụng sức mạnh thị trường của chủ sở hữu sáng chế và xem đó là lý do chính để ghi nhận sự tham gia của luật cạnh tranh trong tình huống pháp lý này; phân tích cách thức sử dụng luật cạnh tranh trong việc điều chỉnh quyền đối với bằng sáng chế tiêu chuẩn cơ bản theo điều khoản công bằng, hợp lý và không phân biệt đối xử; xem xét tình huống cụ thể liên quan đến các hành động cản trở sử dụng sáng chế một cách không lành mạnh hay mang tính độc quyền của người nắm giữ bằng sáng chế tiêu chuẩn cơ bản theo điều khoản vừa nêu trong vụ việc của Motorola Mobility Inc. Google như minh họa điển hình cho cách thức xử lý vấn đề này từ luật cạnh tranh.

Từ khóa: Cạnh tranh; không lành mạnh; luật cạnh tranh; luật sáng chế; sáng chế; tiêu chuẩn cơ bản

Nhận bài: 14/5/2018

Hoàn thành biên tập: 07/5/2019

Duyệt đăng: 17/5/2019

THE COMPETITION LAW ON STANDARD ESSENTIAL PATENTS UNDER FAIR, REASONABLE AND NON-DISCRIMINATORY TERMS

Abstract: Many countries have called for the competition law as an appropriate mechanism, or even a tendency, in the circumstance where the patent law as well as other legal frameworks had embarrassed in front of the patent owner's acts soon after recording its intellectual property rights. Based on the practice of law implementation in several countries, this paper points out the fact of intellectual property owners' maintenance and abuse of their dominant position, which thereby provides the main reason for the utilisation of the competition law to deal with the issue in question. The paper especially pays attention to the competition law approach under circumstances where there are many standard-essential patents with the fair, reasonable and non-discriminatory terms. Accordingly, the case analysis of Motorola Mobility Inc. Google presents a simplified illustration of solving problems relevant to the impediment to others' consumption of standard-essential patents under the popular said terms by such patent owners' unfair or monopolistic injunctions from the competition law perspective.

Keywords: Competition; unfair; competition law; patent law; patent; standard essential

Received: May 14th, 2018; Editing completed: May 7th, 2019; Accepted for publication: May 17th, 2019

* Giảng viên, Trường đại học kinh tế - luật, Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, E-mail: hieutt@uel.edu.vn

** Giảng viên, Trường đại học luật Thành phố Hồ Chí Minh, E-mail: dhtvy@hcmulaw.edu.vn

Sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường các sản phẩm công nghệ đã dẫn đến những cuộc chiến toàn cầu về bản quyền sáng chế, đặc biệt là các bằng sáng chế tiêu chuẩn cơ bản (standard-essential patent - SEP). Luật sáng chế cho phép các chủ sở hữu sáng chế có quyền ngăn cấm người khác sử dụng sáng chế khi chưa được sự đồng ý của họ. Tuy nhiên, các tổ chức thiết lập tiêu chuẩn (SSO) luôn yêu cầu các thành viên của mình phải công bố và đồng ý chuyển giao các SEP một cách công bằng, hợp lý và không phân biệt đối xử (fair, reasonable and non-discriminatory - FRAND). Mục tiêu của FRAND là tránh việc chủ sở hữu SEP lạm dụng lợi thế của mình để làm giá, tạo ra siêu lợi nhuận và thậm chí là thống lĩnh thị trường. Tuy nhiên, để điều khoản FRAND thật sự phát huy hiệu lực, sự hỗ trợ từ các quy định pháp luật cho quá trình thực thi có ý nghĩa cực kỳ quan trọng.

Ngoài các quy định ghi nhận và giới hạn quyền của chủ sở hữu sáng chế trong luật sáng chế, các nguyên tắc căn bản trong giao kết hợp đồng cũng được vận dụng để giải quyết các tình huống phát sinh. Đặc biệt, trong những năm sau này, luật cạnh tranh ngày càng phát huy vai trò của mình trong việc kiểm soát sức mạnh thị trường được tạo ra bởi các SEP. Bài viết phân tích sự giới hạn quyền đối với sáng chế SEP theo FRAND dưới góc nhìn của luật cạnh tranh, với ba nội dung chính: *Một là* lý do can thiệp của luật cạnh tranh trước các mối quan hệ có liên quan đến sử dụng và chuyển giao SEP; *hai là* điều chỉnh của luật cạnh tranh đối

với SEP trên cơ sở điều khoản FRAND; *cuối cùng*, để minh họa chi tiết về cách tiếp cận và xử lý của các nước, bài viết phân tích một vụ việc xử lý vi phạm về SEP-FRAND tại Hoa Kỳ.

1. Sức mạnh thị trường từ sáng chế và luật cạnh tranh

Luật sáng chế có lý do để bảo vệ quyền và trao quyền độc quyền cho chủ sở hữu sáng chế nhưng chính sự độc quyền đôi khi tạo ra nhiều hệ lụy mà từ đó luật cạnh tranh cần phải can thiệp. Do giới hạn dung lượng, bài viết không bàn luận sâu về mối quan hệ giữa luật sáng chế và luật cạnh tranh. Phần này của bài viết tập trung giới thiệu một số lý do kiến giải vì sao luật cạnh tranh cần phải hiện diện để kiểm soát quá trình sử dụng quyền của chủ sở hữu sáng chế.

Các nghiên cứu tại Hoa Kỳ nhận thấy rằng, xu hướng sử dụng cơ chế kiểm soát độc quyền mạnh mẽ từ những năm đầu thế kỷ XX và thật sự được tăng cường từ những năm 1940 đối với các thỏa thuận liên quan đến sáng chế. Đơn cử, ở giai đoạn đầu, Tòa án tối cao Hoa Kỳ chỉ cáo buộc các thỏa thuận liên kết sáng chế và chia sẻ bản quyền vi phạm luật chống độc quyền nếu điều đó nhằm để tăng cường sức mạnh độc quyền, ấn định giá hay hạn chế các lợi ích thương mại một cách bất hợp lý. Tuy nhiên, về sau ý kiến cho rằng cần phải sửa đổi luật sáng chế theo hướng “*loại trừ khả năng sử dụng... để tạo ra... sức mạnh độc quyền*” ngày càng mạnh mẽ. Đặc biệt, trong bối cảnh lượng sáng chế ngày càng nhiều, năng lực kiểm soát của luật cạnh tranh ngày càng lớn, số lượng các vụ

việc xử lý việc hạn chế tiếp cận và sử dụng sáng chế cũng gia tăng.⁽¹⁾

Quá trình phát triển luật cạnh tranh ở châu Âu, cả phần quy định liên quan đến sở hữu trí tuệ, diễn ra chậm hơn và phần nào chịu sự ảnh hưởng từ các chế định có liên quan của Hoa Kỳ. Hiện trạng này phản ánh rõ nét qua hệ thống pháp luật của Đức, do chính sách can thiệp của Hoa Kỳ sau Chiến tranh thế giới lần thứ 2.⁽²⁾ Tuy nhiên, xu hướng sử dụng luật cạnh tranh ở châu Âu diễn ra mạnh mẽ và ấn tượng hơn.⁽³⁾ Sau vụ việc đầu tiên vào năm 1984, Ủy ban cạnh tranh EU ban hành khá đầy đủ các hướng dẫn cụ thể liên quan đến các vi phạm cạnh tranh.⁽⁴⁾

Trên bình diện rộng hơn, văn bản tạo dấu ấn lớn cho sự can thiệp của chính sách cạnh tranh đối với quá trình sử dụng quyền đối với tài sản sở hữu trí tuệ là Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của

quyền sở hữu trí tuệ của WTO (gọi tắt là Hiệp định TRIPS). Bằng các quy định của mình, Hiệp định TRIPS đã chỉ ra các mức độ xử lý hành vi lạm quyền của chủ sở hữu sáng chế là: xử lý bằng luật sáng chế, xử lý bằng luật cạnh tranh và vận dụng luật cạnh tranh trong một số trường hợp mà sự phân định cũng không quá rõ ràng.⁽⁵⁾ Điều đó cho thấy, luật cạnh tranh ngày càng có vai trò quan trọng trong giải quyết các vấn đề có liên quan.

Nhìn chung, nếu luật sáng chế bảo đảm quyền tài sản của chủ sở hữu sáng chế thì luật cạnh tranh sẽ kiểm soát quá trình sử dụng quyền tài sản đó khi nó có khả năng tạo ra quyền lực thị trường cho người nắm giữ.⁽⁶⁾ Thậm chí, luật cạnh tranh có thể dự phòng xa hơn và từ đó cố gắng kiềm chế nỗ lực mở rộng khả năng khai thác tài sản sở hữu trí tuệ vượt quá phạm vi đã hạn định của luật sáng chế.⁽⁷⁾

Căn nguyên cho sự can thiệp này nằm ở chỗ, với sức mạnh thị trường có được, chủ

(1). Riêng số vụ mà Bộ tư pháp Hoa Kỳ khởi kiện trên cơ sở pháp luật cạnh tranh tính đến năm 1945 là 45 vụ. Xem thêm: Contreras, Jorge L., “A Brief History of FRAND: Analyzing Current Debates in Standard Setting and Antitrust Through a Historical Lens”, *Antitrust Law Journal, American University, WCL Research Paper No. 2014-18*, 80, 39 (15/1/2015), p. 48 - 49.

(2). Giocoli, Nicola, “Competition vs. Property Rights: American Antitrust Law, the Freiburg School and the Early Years of European Competition Policy”, *Journal of Competition Law and Economics* 5, 4 (2009), p. 20 - 22.

(3). Emanuela Arezzo, “Competition Policy and IPRs: An Open Debate Over an Ever-Green Issue”, *Il Diritto D’Autore (Italia)*, 3 (2004), p. 8.

(4). OECD, “Competition Policy and Intellectual Property Rights” (OECD, 1989), p. 44.

(5). Daya Shanker, “Fault lines in the World Trade Organization: An analysis of the TRIPS Agreement and Developing Countries” (PhD thesis, University of Wollongong (Department of Economics), 2005), p. 307.

(6). OECD, “Competition Policy and Intellectual Property Rights (Policy Roundtables)” (OECD, 1997), 8,11,22-23; Steven Semeraro, “Property’s End: Why Competition Policy Should Limit the Right of Publicity”, *Connecticut Law Review* 43, 3 (2/2011), p. 801.

(7). “Intellectual Property Rights and Their Interface with Competition Policy: In Balance or in Conflict” (Communication Policy Research South Conference (CPRsouth5), Xi’an, China, 12/12/2010, p. 6.

sở hữu có quyền độc quyền sáng chế dễ có xu hướng tác động xấu đến cạnh tranh và thị trường;⁽⁸⁾ trước hết và cụ thể là ảnh hưởng đến quyền khai thác của người tiêu dùng và lâu dài là làm cho việc sử dụng các nguồn lực thiếu hiệu quả.⁽⁹⁾ Chính vì vậy, với sứ mệnh của mình, luật cạnh tranh buộc phải can thiệp vào quá trình sử dụng sáng chế nhằm bảo đảm giá cả công nghệ, phúc lợi tiêu dùng⁽¹⁰⁾ và góp phần làm cho việc sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế trở nên hiệu quả hơn thông qua việc dỡ bỏ các rào cản thị trường.⁽¹¹⁾ Trên thực tế, tại nhiều nước như Hoa Kỳ, EU, UK, Canada, Nhật Bản, Ấn Độ⁽¹²⁾ hay Trung Quốc,⁽¹³⁾ cơ quan cạnh tranh (và toà) đều có sự can thiệp vào hành động của các chủ sáng chế như: 1) cấm từ chối cấp phép (thay vào đó là buộc phải cấp phép để tránh việc lạm dụng lợi thế nắm giữ sáng chế); 2) quy định về điều kiện thoả thuận cấp phép song phương; 3) cho phép sử

dụng hạn chế sáng chế với mục đích phi thương mại; 4) ngăn cấm thoả thuận tăng giá, cắt giảm sản lượng và thậm chí là hạn chế đầu tư nghiên cứu; 5) kiểm soát quy trình sáp nhập và chuyển giao công nghệ.^{(14),(15)}

Suy cho cùng, vấn đề nằm ở việc lựa chọn chính sách. Rõ ràng, việc bảo hộ quyền của chủ sở hữu sáng chế là để kích hoạt sáng tạo và đổi mới. Tuy nhiên, chính điều này có thể gây ra tình trạng hạn chế cạnh tranh và độc quyền. Vì vậy, điều quan trọng là pháp luật và chính sách cạnh tranh cần phải can thiệp nhằm đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh trên cơ sở không cản trở việc tạo ra động lực và cải tiến công nghệ của chủ sở hữu sáng chế.⁽¹⁶⁾ Sự can thiệp của luật cạnh tranh trên thực tế vì vậy chỉ thật sự cần khi nào sáng chế và quyền sáng chế bị lạm dụng hay được khai thác để tạo ra sức mạnh thị trường.⁽¹⁷⁾ Có nghĩa, luật cạnh tranh khi

(8). OECD, "Competition Policy and Intellectual Property Rights (Policy Roundtables)", p. 73.

(9). "Intellectual Property Rights and Their Interface with Competition Policy: In Balance or in Conflict", p. 6.

(10). OECD, "Competition Policy and Intellectual Property Rights", p. 8.

(11). OECD, "Competition Policy and Intellectual Property Rights", p. 10; "Intellectual Property Rights and Their Interface with Competition Policy: In Balance or in Conflict", p. 5 - 8.

(12). Daya Shanker, "Fault lines in the World Trade Organization: An analysis of the TRIPS Agreement and Developing Countries", p. 316 - 37.

(13). Sokol, D. Daniel and Zheng, Wentong, "FRAND in China", *Texas Intellectual Property Law Journal*, 22 (2013), p. 10.

(14). "Intellectual Property Rights and Their Interface with Competition Policy: In Balance or in Conflict", 8-13; OECD, "Competition Policy and Intellectual Property Rights", p. 8, 22 - 25.

(15). Ở Việt Nam, một số nội dung hạn chế quyền đối với tài sản SHTT cũng đã được ghi nhận trong Luật SHTT. Tuy nhiên, nội dung này vẫn còn là một vùng trắng trong Luật cạnh tranh (Điều 114 Luật SHTT).

(16). OECD, "Competition Policy and Intellectual Property Rights", 6; Hillary Greene, "Patent Pooling Behind the Veil of Uncertainty: Antitrust, Competition Policy, and the Vaccine Industry", *Boston University Law Review* 90, 4 (2/2010), p. 1453; "Intellectual Property Rights and Their Interface with Competition Policy: In Balance or in Conflict", p. 7.

(17). OECD, "Competition Policy and Intellectual Property Rights (Policy Roundtables)", p. 29; "Intellectual Property Rights and Their Interface with Competition Policy: In Balance or in Conflict", p. 6.

được sử dụng, vốn dĩ không xung đột với luật sáng chế, mà thậm chí còn có thể đi song hành và mang tính bổ trợ.

2. Luật cạnh tranh và điều khoản công bằng, hợp lý và không phân biệt đối xử

Việc thiết kế các tiêu chuẩn cơ bản (còn được gọi là tiêu chuẩn chung) được quan tâm trong chính sách và pháp luật cạnh tranh là bởi nó có thể tạo ra sức mạnh thị trường cho người nắm giữ các sáng chế đã chuẩn hoá và thống nhất. Thông thường, sức mạnh thị trường có thể tìm thấy ở hai dạng: sức mạnh thị trường có được nhờ chính công nghệ và sức mạnh thị trường có được nhờ tiêu chuẩn cơ bản.⁽¹⁸⁾

Tuy nhiên, các ý kiến tranh luận thường cho rằng, quá trình thống nhất các SEP gần như không ảnh hưởng lớn đến giá trị và ý nghĩa của sáng chế. Thực tế cũng cho thấy ít khi một SEP nào đó khiến cho một sáng chế trở nên độc tôn (winner) trên thị trường. Vì vậy, việc thống nhất hoá các SEP bản thân nó không hề tạo ra sức mạnh thị trường.⁽¹⁹⁾ Tuy vậy, không thể phủ nhận rằng, khi một sáng chế được sử dụng kết hợp cho một tiêu chuẩn thì không thể nói là tính cạnh tranh của sáng chế đó không được tăng cường. Ngược lại, sức mạnh thị trường của sáng chế xuất hiện nhờ sự hình thành SEP là có.⁽²⁰⁾

Người nắm giữ có thể tận dụng thời cơ để hưởng lợi, đơn cử như tăng giá bản quyền (hold up), nếu như đoán biết được rằng chi phí để người sử dụng tiêu chuẩn sau khi được thiết lập chuyển sang việc sử dụng các công nghệ thay thế khác là rất lớn, thậm chí là không thể do không có công nghệ thay thế mới như vừa nêu.⁽²¹⁾

Vì vậy, khi phân tích tác động của sự thống lĩnh thị trường, không thể không kết nối với những thiệt hại có thể xảy ra khi có tình trạng làm giá của người nắm giữ SEP. Đó là khi người nắm giữ sáng chế đưa ra mức phí bản quyền cao hoặc là các điều khoản cấp phép khắc nghiệt hay thậm chí là ngăn cản việc sử dụng tiêu chuẩn để sản xuất sản phẩm.⁽²²⁾ Hẳn nhiên, điều này không những ảnh hưởng đến các quyết định đầu tư nghiên cứu mà còn tác động xấu đến người tiêu dùng khi chi phí bản quyền chuyển sang cơ cấu và làm giá sản phẩm cao lên hay mức sử dụng bị hạn chế đi. Điều đáng nói là, tiêu chuẩn công nghệ chung thường là kết quả của sự liên kết rất nhiều sáng chế cụ thể nên phí bản quyền thường phải cộng gộp và từ đó tạo ra hiện tượng “chồng phí”. Do vậy, khi xây dựng các SEP, các SSO thường yêu cầu các bên nắm giữ phải thực hiện theo cam kết FRAND (hoặc thậm chí là miễn phí tiền bản quyền) ngoài việc phải sẵn sàng cấp

(18). OECD, “Intellectual Property and Standard Setting” (OECD, 18/12 2014), p. 14.

(19). OECD, “Intellectual Property and Standard Setting” (OECD, 18/12 2014), p. 14.

(20). Carlton, Dennis W. and Shampine, Allan, “An Economic Interpretation of FRAND”, *Journal of competition law & economics* (Oxford University Press) 9(3) (2013): 2; Philippe Chappatte, “Frاند

Commitments - The Case for Antitrust Intervention”, *European Competition Journal* 5, 2 (01/8/2009), p. 325.

(21). Carlton, Dennis W. and Shampine, Allan, “An Economic Interpretation of FRAND”, p. 2 - 3.

(22). Chappatte, “Frاند Commitments-The Case for Antitrust Intervention”, p. 326.

phép.⁽²³⁾ Đương nhiên, việc không tuân thủ đúng FRAND sẽ tạo ra gánh nặng rất lớn cho các bên sử dụng SEP và thậm chí sau đó là người tiêu dùng có sử dụng sản phẩm vận hành theo tiêu chuẩn công nghệ thống nhất.

Tuy nhiên, trên thực tế không phải FRAND nào cũng đủ sức phong toả khả năng lạm dụng lợi thế thị trường của bên nắm giữ SEP dẫn đến sự can thiệp của cơ quan có thẩm quyền. Vì vậy, vấn đề quan trọng là cần phải có những FRAND đủ mạnh, trong đó, đưa ra được một cách chắc chắn: nghĩa vụ cấp phép; bản quyền hợp lý, công bằng và không phân biệt đối xử; giới hạn sự cản trở tiếp cận SEP.⁽²⁴⁾ Lúc đó, cơ quan cạnh tranh cũng có thể can thiệp khi có dấu hiệu vi phạm rõ ràng đối với FRAND.

Ngoài việc xem xét sức mạnh độc quyền và hành động của một bên trong SEP, khía cạnh cạnh tranh còn được nhìn nhận ở khả năng độc quyền nhóm. Cụ thể hơn, các thoả thuận tạo dựng tiêu chuẩn chung có khả năng dẫn đến sự câu kết và thông đồng giữa các chủ sáng chế tham gia tiêu chuẩn, từ đó gây sức ép lên thị trường sản phẩm đối với người mua cuối (downstream product market).⁽²⁵⁾ Trong những trường hợp như vậy, hậu quả hạn chế cạnh tranh là rất lớn, ví

dụ các thoả thuận ấn định giá (bản quyền) hay hạn chế quyền của người mua của tất cả các thành viên trong một SSO.⁽²⁶⁾ Vai trò của SSO trong những trường hợp như vậy vì thế cũng rất có ý nghĩa trong việc kiểm soát điều khoản FRAND để ngăn cản khả năng xâm hại đến cạnh tranh.

Theo Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), không quan tâm là toà án đã can thiệp vào hành vi của các bên như thế nào trong một FRAND, cơ quan cạnh tranh các nước vẫn có thể có quyền sử dụng những công cụ thực thi của mình, đặc biệt là tại châu Âu và Hoa Kỳ.⁽²⁷⁾ Thậm chí, bản thân Toà án châu Âu cũng cảnh báo rằng, việc các chủ sở hữu “đưa ra lệnh cấm sử dụng các SEP có thể dẫn đến khả năng vi phạm luật cạnh tranh của châu Âu, cụ thể là Điều 102 của Hiệp ước thực thi chức năng của EU”.⁽²⁸⁾ Điểm khác biệt là, trong khi EU nhìn nhận vấn đề từ khía cạnh của hành vi lạm dụng sức mạnh thị trường (abuse of dominance) thì Ủy ban thương mại Hoa Kỳ (US FTC) tập trung cáo buộc các bên đã thực hiện hành vi thương mại không lành

(23). OECD, “Intellectual Property and Standard Setting”, p. 16 - 17.

(24). Chappatte, “Frاند Commitments - The Case for Antitrust Intervention”, p. 330 - 31.

(25). Damien Geradin và Miguel Rato, “Can Standard-Setting Lead to Exploitative Abuse? A Dissonant View on Patent Hold-Up, Royalty Stacking and the Meaning of Frاند”, *European Competition Journal* 3, 1 (1/2007), p. 30.

(26). Damien Geradin và Miguel Rato, “Can Standard-Setting Lead to Exploitative Abuse? A Dissonant View on Patent Hold-Up, Royalty Stacking and the Meaning of Frاند”, *European Competition Journal* 3, 1 (1/2007), tr. 37.

(27). OECD, “Intellectual Property and Standard Setting”, tr. 32.

(28). Douglas H. Ginsburg, Koren W. Wong-Ervin, & Joshua D. Wright, “The Troubling Use of Antitrust to Regulate FRAND Licensing”, *CPI Antitrust Chronicle*, George Mason Legal Studies Research Paper No. LS 15-37; George Mason Law & Economics Research Paper No. 15-46, 10, 1 (15/10/2015), p. 3.

mạnh để cạnh tranh (unfair method of competition) theo mục 5 Đạo luật FTC. Dẫu vậy, cả hai hệ thống pháp luật tiêu biểu này đều có cùng nhận định về khả năng tạo ra rào cản thị trường của các chủ sở hữu SEP và cho rằng chính việc thiết lập các SEP là điều kiện để cho các công ti có cách hành xử phản cạnh tranh.⁽²⁹⁾ Đáng chú ý hơn, việc tiếp cận các vấn đề liên quan đến FRAND dưới góc độ luật cạnh tranh hiện nay cũng đã trở thành tâm điểm quan tâm tại nhiều hệ thống pháp luật, như Hàn Quốc,⁽³⁰⁾ Canada,⁽³¹⁾ và Nhật Bản.⁽³²⁾⁽³³⁾

Thực ra, cũng có không ít quan điểm bất đồng khi xác định quyền của chủ sở hữu đối với các SEP theo FRAND dưới góc nhìn luật cạnh tranh. Ở Hoa Kỳ, một số thành viên của FTC cho rằng, vụ việc liên quan đến những cáo buộc về cản trở tiếp cận SEP cần được giải quyết bởi các SSO có liên quan hoặc giữa các bên khi vụ việc được khiếu nại ra toà án hay trọng tài. Tuy nhiên, quan điểm cuối cùng của US FTC vẫn là “*cả Toà án liên bang và Ủy ban thương mại quốc tế (ITC) có quyền huỷ bỏ các tuyên bố của người nắm giữ SEP vi phạm cam kết FRAND không có nghĩa là hành động đó tự nó không*

vi phạm mục 5 hay các quy định khác”.⁽³⁴⁾ Trên thực tế, trong tất cả các vụ việc, các bên vi phạm hầu như cũng đã chấp nhận cáo buộc của US FTC và đưa ra một số biện pháp khắc phục để giải quyết.⁽³⁵⁾

Với những đặc trưng riêng, EC đã đưa ra những hướng dẫn khá rõ về cách xử lý những vụ việc cạnh tranh liên quan đến sáng chế nói chung và FRAND nói riêng sau khi nêu rõ lý do vì sao cần có sự can thiệp của chính sách chống độc quyền.⁽³⁶⁾ Có thể tìm thấy cách nhìn nhận các hành động cản trở tiếp cận SEP như là một dạng lạm dụng sức mạnh thị trường trong vụ việc giữa Samsung và Apple năm 2012⁽³⁷⁾ hay nhiều vụ việc tương tự khác. Theo quan điểm của EC, bất kì ai muốn phá bỏ sự cản trở tiếp cận các SEP thì chỉ cần chứng minh được rằng mình là một người có thể được cấp phép.⁽³⁸⁾ EU khi đó sẽ chấp nhận thông qua vụ việc khi các điều khoản thoả thuận cấp phép đã được điều chỉnh bởi bản án của toà, trọng tài hay chính các bên đã có cách khắc phục và được EC xác nhận là hành động đó đã trở nên “an toàn”.⁽³⁹⁾

(34). Kết luận của US FTC trong vụ *Bosch và SPX* (File No. 121-0081) (US FTC 2012).

(35). OECD, “Intellectual Property and Standard Setting”, 32–33.

(36). European Commission, Guidelines on the applicability of Article 101 of the Treaty on the Functioning of the European Union to horizontal co-operation agreements, November 1, 2011. Xem thêm: Carlton, Dennis W. and Shampine, Allan, “An Economic Interpretation of FRAND”, p. 3.

(37). EC, Samsung và Apple (IP/12/1448) (EC 2012).

(38). EC, Motorola và Apple (IP/14/489) (EC 2014).

(39). OECD, “Intellectual Property and Standard Setting”, p. 35.

(29). Carlton, Dennis W. and Shampine, Allan, “An Economic Interpretation of FRAND”, tr. 3.

(30). Bản hướng dẫn năm 2014, được sửa đổi vào năm 2015 và 2016.

(31). Bản hướng dẫn thực hiện quyền IP sửa đổi năm 2015.

(32). Hướng dẫn của JFTC liên quan đến IP năm 2015.

(33). Douglas H. Ginsburg, Koren W. Wong-Ervin, & Joshua D. Wright, “The Troubling Use of Antitrust to Regulate FRAND Licensing”, tr. 3.

3. Motorola Mobility Inc. Google và điều khoản công bằng, hợp lý và không phân biệt đối xử: Các khía cạnh pháp lý cạnh tranh

Xử lý vụ việc liên quan đến FRAND dưới góc độ luật cạnh tranh ngày càng trở nên phổ biến, thậm chí còn được ưu tiên xem xét hàng đầu.⁽⁴⁰⁾ Cách xử lý của US FTC đối với những vi phạm của Motorola Mobility Inc. (MMI) vào năm 2013⁽⁴¹⁾ có thể được viện dẫn như một tình huống minh họa cụ thể và chi tiết cho tiếp cận này.

3.1. Tóm lược vụ việc

Cáo buộc của US FTC cho rằng Google có hành vi cản trở cạnh tranh khi vi phạm cam kết cấp phép các SEP với điều khoản FRAND. Thực ra, đây là hành vi vi phạm của MMI và Google đã tiếp tục kéo dài hành động này sau khi mua lại MMI và tiếp nhận các sáng chế của MMI từ năm 2012. Cụ thể, MMI trước đó đã không giữ lời hứa với các SSO (là sẽ cấp phép các SEP có liên quan đến các sản phẩm điện thoại thông minh, máy tính bảng và ứng dụng game theo FRAND) khi đưa ra lệnh cấm nhằm chống lại những người có thể được cấp phép (có một số đối thủ cạnh tranh)

tiếp cận các SEP và tiếp thị các sản phẩm phù hợp với một vài hay tất cả các tiêu chuẩn công nghệ liên quan.

Hành động này, theo US FTC, có xu hướng làm giảm cạnh tranh trên thị trường các sản phẩm điện tử quan trọng, nơi có hơn một nửa người dân Mỹ sử dụng hàng ngày. Điều đáng nói là sau khi mua lại MMI, Google tiếp tục thực hiện các hành động đó. Xa hơn, Google đã “*sử dụng các mối đe dọa của tuyên bố loại trừ và cấm đoán để làm đòn bẩy đối phó những người có thể được cấp phép trong thương lượng và đưa ra đòi hỏi về các điều khoản cấp phép vượt ngưỡng FRAND*”.⁽⁴²⁾ US FTC đánh giá đó là phương thức cạnh tranh không lành mạnh và vi phạm mục 5 Luật FTC. Google chấp thuận cáo buộc này, dừng lại lệnh cấm, cũng như từ bỏ việc thực hiện các hành động tương tự trong tương lai theo yêu cầu của US FTC.

3.2. Phân tích tác động cạnh tranh

Đương nhiên, để có quyết định mang tính can thiệp như trên, US FTC đã phải chỉ ra tác động tiêu cực đến cạnh tranh của Google/MMI, tập trung vào những tổn hại mà người tiêu dùng đã phải gánh chịu. Theo US FTC, Google đã loại trừ các sản phẩm khỏi thị trường một cách hoàn toàn thông qua lệnh cấm hay định giá cao, do các đối thủ không tiếp cận được SEP hay chỉ có thể tiếp cận với mức giá (chi phí) bản quyền cao. Khoản chi phí này sau đó đương nhiên được dịch chuyển sang cho người tiêu dùng qua cấu thành giá của sản phẩm.⁽⁴³⁾

(40). Layne-Farrar, Anne and Wong-Ervin, Koren W., “Methodologies for Calculating FRAND Royalty Rates and Damages: An Analysis of Existing Case Law”, *Competition Policy International - CPI*, 10/2014, p. 2.

(41). US FTC, Motorola Mobility Inc. (File No. 121-0120) (US FTC 2013). Xem thêm hồ sơ vụ việc tại website của US FTC: <https://www.ftc.gov/enforcement/cases-proceedings/1210120/motorola-mobility-llc-google-inc-matter>, truy cập 26/4/2019.

(42). Đoạn 25 Khiếu nại của US FTC.

(43). Đoạn 3 Khiếu nại của US FTC.

Từ đó, US FTC đã liệt kê các thiệt hại có thể xảy ra gồm:

- Người tiêu dùng bị tước mất cơ hội sử dụng các sản phẩm cạnh tranh phù hợp với các tiêu chuẩn công nghệ có liên quan, kể cả điện thoại di động, máy tính bảng, thiết bị "thông minh" truy cập được internet như hệ thống game, máy tính xách tay và các set-top box.

- Tăng chi phí sản xuất các thiết bị theo các tiêu chuẩn công nghệ có liên quan mà khoản chi phí này sẽ chuyển sang cho người tiêu dùng sau đó.

- Phá huỷ sự toàn vẹn và hiệu quả của quá trình thiết lập tiêu chuẩn và giảm các biện pháp khuyến khích việc tham gia vào quá trình này hay là tiếp nhận các tiêu chuẩn đã được công bố.

- Làm tăng chi phí cho các đối thủ cạnh tranh và do đó làm giảm sức ép cạnh tranh giữa Google với các nhà sản xuất có sản phẩm cạnh tranh, bao gồm nhưng không giới hạn, hệ điều hành điện thoại di động, công nghệ nén video, và các thiết bị truy cập internet tại nhà.⁽⁴⁴⁾

US FTC còn cho rằng, trong các mối quan hệ của FRAND, “*người thực hiện SEP là người có thể được cấp phép khi người đó chứng tỏ là đã sẵn sàng chấp nhận điều khoản được xác định là FRAND*”.⁽⁴⁵⁾ Lập luận của US FTC cũng cho thấy, cơ quan này vẫn ghi nhận và tôn trọng quyền tự quyết của các bên khi có một FRAND. Cụ

thể, Đoạn 18 Khiếu nại của US FTC có nêu: “*Sau mỗi cam kết FRAND được đưa ra, người được cấp bằng sáng chế và người thực hiện thường sẽ đàm phán bản quyền và các điều khoản cấp phép khác, hoặc có thể nhờ toà hay bên độc lập xem xét các nội dung hợp lý trong trường hợp họ không thể thống nhất ý kiến*”.

Tuy nhiên, theo US FTC, một cuộc thương lượng cấp phép diễn ra dưới sự đe dọa của lệnh cấm hoặc cảnh báo loại trừ được xem là sự đối trọng khá căng thẳng với người cấp bằng sáng chế nếu họ có những đòi hỏi ngược với cam kết FRAND. Trong trường hợp đó, cuộc đàm phán giữa người được cấp sáng chế và người thực hiện thường chú trọng đến phần doanh thu của người thực hiện bị mất đi do doanh số bán hàng của sản phẩm bị lệnh cấm, hơn là xem xét giá trị thị trường của sáng chế so với các công nghệ có thể thay thế khác. Khoản tiền hoán đổi này sẽ gia tăng và thậm chí là tối đa hoá mức giá bản quyền mà người có thể được cấp phép sẵn sàng trả, và có xu hướng “*vượt ngưỡng FRAND*”.⁽⁴⁶⁾ Nói cách khác, những đòi hỏi về “tính hợp lý” (được hạn định bởi luật sáng chế như đề cập trong phần lý thuyết ở trên) trong FRAND đã không được đảm bảo.

3.3. Cơ sở pháp lý cho sự can thiệp của cơ quan cạnh tranh

Điểm pháp lý quan trọng nhất là quyền can thiệp của cơ quan cạnh tranh trong các xung đột liên quan đến FRAND. Trong quá

(44). Đoạn 28, 29 Khiếu nại của US FTC.

(45). Đoạn 16 Khiếu nại của US FTC.

(46). Đoạn 19 Khiếu nại của US FTC.

trình xem xét vụ việc, US FTC biết được MMI/Google đã gửi đơn khiếu nại và tố cáo ra ITC và Toà án liên bang với cáo buộc là sáng chế của mình (đã được giới hạn bởi FRAND) bị xâm phạm. US FTC nhận định, cách thức xử lý duy nhất tại ITC đưa ra quyết định loại trừ (vi phạm đó) và vì vậy việc đệ đơn lên ITC đối với một SEP đã được giới hạn bởi FRAND càng làm tăng thêm những tổn hại do hành vi làm giá của người nắm giữ gây ra.⁽⁴⁷⁾ Theo nhận định của nhiều chuyên gia, sự tồn tại của ITC đã làm suy giảm hiệu lực các phán quyết của Toà, vì các quyết định của ITC chỉ hướng đến việc ghi nhận quyền loại trừ cơ hội được tiếp cận các sáng chế mà không phân tích các khía cạnh liên quan khác. Thực tế này đã thúc đẩy US FTC can thiệp vào các vụ việc liên quan đến sáng chế hay cụ thể là FRAND.⁽⁴⁸⁾ Trong vụ việc này, nội dung quyết định xử lý mà Google cũng đã chấp nhận đã đưa ra là: “*Bị đơn (Google/MMI) phải dừng và chấm dứt việc đưa ra khiếu nại một cách trực tiếp hay gián tiếp đối với các biện pháp ngăn chặn được bảo hộ*”⁽⁴⁹⁾ dựa theo các cáo buộc vi

phạm sáng chế FRAND, ngoại trừ những gì được cho phép trong phán quyết này”.⁽⁵⁰⁾

Phán quyết của US FTC không những khẳng định sự can thiệp của US FTC và trong chừng mực nào đó đã phủ nhận việc sử dụng cơ chế giải quyết của Toà hay các đơn vị khác (như ITC). Xa hơn, US FTC tiếp tục tái khẳng định và thậm chí còn mở rộng hơn cách tiếp cận của mình. Cụ thể, US FTC trong vụ việc này nêu rõ:

“Một mình mục 5 về xử lý phương thức kinh doanh không lành mạnh cũng đủ để US FTC đứng ra bảo vệ người tiêu dùng và quá trình thiết lập tiêu chuẩn sáng chế chung để giảm thiểu những phí tổn thường thấy khi áp dụng cơ chế thực thi chống độc quyền dành cho những hành động với khoản thiệt hại rất lớn. Trong xã hội mà chúng ta nhận thấy rằng đã có quá nhiều vụ kiện tụng thì thủ tục theo mục 5 là cách thức hợp lý và có tính khả thi cao đối US FTC giải quyết các vấn đề phát sinh”.⁽⁵¹⁾

Điều thú vị là, US FTC vẫn kiên định đưa ra tuyên bố về thẩm quyền của mình dù vẫn còn những lập luận phản đối của thành viên Ủy ban và đương nhiên US FTC đã phải đưa ra những lập luận phản biện lại. Ngược lại với ý kiến cho rằng, sự can thiệp của US FTC là thiếu căn cứ và không chắc chắn, US FTC khẳng định, chính hành động vi phạm cam kết FRAND đã gây ra những

(47). Đoạn 26 - 27 Khiếu nại của US FTC.

(48). Álvaro Fomperosa Rivero, “Standard Essential Patents and Antitrust: A Comparative Analysis of the Approaches to Injunctions and FRAND-Encumbered Patents in the United States and the European Union”, TTLF Working Papers (Stanford-Vienna Transatlantic Technology Law Forum, 2016), p. 13 - 20.

(49). Là một phán quyết của bất kì tòa hành chính hay pháp lí nào (dù ở ở Hoa Kỳ hay bất kì đâu) mà loại trừ bên thứ ba (hoặc bất kì ai theo mục đích của phán quyết) khỏi việc đưa ra, sử dụng, bán, chào hàng, hoặc nhập khẩu bất kì thiết bị nào do có sự cáo buộc vi phạm Sáng chế FRAND. Xem thêm: Mục II.E của Quyết định xử lý US FTC đã dự thảo.

(50). Mục II.B của Quyết định xử lý US FTC đã dự thảo.

(51). Tuyên bố của US FTC trong vụ việc về Google, tr. 2 - 3.

thiệt hại rất lớn đối với quá trình thiết lập tiêu chuẩn công nghệ chung và đối với người tiêu dùng. Bất cứ lúc nào có hành vi gây hại hoặc đe dọa gây hại đến cạnh tranh và người tiêu dùng thì US FTC đều có quyền can thiệp giải quyết. Trước những lo ngại là quá trình xử lý có thể tạo ra sự không chắc chắn cho các bên tham gia thị trường, US FTC khẳng định chính công việc của mình mới ngăn cản việc người nắm giữ SEP đơn phương đưa ra thoả thuận FRAND bằng cách sử dụng đòn bẩy lợi thế trong tiến trình thiết lập SEP và đó mới là công việc để bảo vệ sự toàn vẹn của quy trình đó. US FTC nhận định, chính những phán quyết của mình là bản hướng dẫn để các bên tham gia, gồm cả SSO và đưa ra cách tiếp cận có thể dự báo được trong giải quyết những tranh chấp về cấp phép liên quan đến SEP. Điều này rõ ràng mang lại lợi ích cho các cổ đông, là người có bằng sáng chế, người thực hiện và cả người tiêu dùng.⁽⁵²⁾

Cuối cùng, US FTC chỉ ra, ngay cả khi vụ việc đã được giải quyết bởi toà án quận,⁽⁵³⁾ thì bản án cũng chỉ đề cập những thoả thuận giữa bên nắm giữ SEP với SSO theo hợp đồng. Đặc biệt, bản án liên quan đến vụ việc được toà án đưa ra dựa trên chứng cứ trong hồ sơ (a decision on a motion in limine) mà không trải qua quá

trình xét xử một cách đầy đủ (not a trial on the merits). Trong khi đó, nhiệm vụ của US FTC là nhằm xem xét các vi phạm của bị đơn với các cam kết FRAND đã tồn tại và việc vi phạm đó đã “phạm lỗi” với các quy định trong bản Tu chính Hiến pháp. Cách thức của US FTC trong những trường hợp này là “đơn giản yêu cầu những người đã đưa ra lời hứa phải giữ lời hứa của mình”. Có nghĩa, pháp luật cạnh tranh Hoa Kỳ đã thật sự chuyển hướng tiếp cận và xử lý vụ việc cạnh tranh từ nguyên tắc “perse” sang nguyên tắc “rule of reason”,^{(54),(55)} cũng là nguyên tắc đang được áp dụng phổ biến trong vụ việc cạnh tranh ở châu Âu.⁽⁵⁶⁾ Tuy nhiên, đứng trước nhiều quan điểm trái chiều như vậy, cùng với cách tiếp cận các vi phạm FRAND dưới góc độ thực hiện hành vi không lành mạnh trong cạnh tranh của US và lợi dụng sức mạnh độc quyền ở EU, nhiều ý kiến cho rằng hệ thống pháp luật US không có nền tảng pháp lý vững chắc để can thiệp

(52). Tuyên bố của US FTC trong vụ việc về Google, tr. 2 - 3.

(53). Vụ kiện Apple, Inc. v. Motorola Mobility, Inc năm 2012. Xem: 2012 U.S. Dist. LEXIS 181854, *35-46 (W.D. Wis. Oct. 29, 2012).

(54). Geradin và Rato, “Can Standard-Setting Lead to Exploitative Abuse? A Dissonant View on Patent Hold-Up, Royalty Stacking and the Meaning of Frand”, p. 31; Anne Layne-Farrar, “The Economics of FRAND”, *Antitrust Intellectual Property and Hightech Handbook* (Daniel Sokol ed., Forthcoming), Cambridge University Press, 2016, p. 9.

(55). Xem thêm về “perse rule” và “rule of reason”: Dương Anh Sơn và Trương Trọng Hiếu, “Tiêu chí kiểm soát sáp nhập ở Việt Nam và kinh nghiệm của các nước trên thế giới”, *Tạp chí nhà nước và pháp luật*, 338, số 6 (6/2016), tr. 54 - 63

(56). Nicolas Petit, “Injunctions for Frand-Pledged Seps: The Quest for an Appropriate Test of Abuse Under Article 102 Tfeu”, *European Competition Journal* 9, 3 (18/12/2013), p. 12; Dương Anh Sơn và Trương Trọng Hiếu, *tlđđ*, tr. 61.

các vụ việc liên quan đến FRAND bằng luật và chính sách cạnh tranh.⁽⁵⁷⁾

Có thể kết luận rằng, các hệ thống pháp luật hầu hết đều đã cầu viện đến sự can thiệp của luật cạnh tranh, ngay cả khi những tranh cãi về sự cần thiết phải giải quyết vụ việc tại toà án ngoài luật cạnh tranh vẫn còn tiếp diễn. Cho dù vẫn còn sự khác biệt ít nhiều về góc độ tiếp cận, chẳng hạn vi phạm FRAND là hành vi cạnh tranh không lành mạnh hay độc quyền nhưng pháp luật cạnh tranh của Mỹ, châu Âu hay nước khác đều ngăn cản các chủ sở hữu SEP ra lệnh cấm tiếp cận SEP hay cáo buộc bên thứ ba có hành vi vi phạm SEP mà chưa được phép. Các tiếp cận và điều chỉnh pháp luật bằng luật cạnh tranh đối với quyền sáng chế trong SEP theo điều khoản FRAND vì vậy cần được tiếp tục nghiên cứu sâu hơn nhằm làm định hướng cho việc pháp điển hoá pháp luật về sở hữu trí tuệ ở Việt Nam trong thời gian tới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Álvaro Fomperosa Rivero, “Standard Essential Patents and Antitrust: A Comparative Analysis of the Approaches to Injunctions and FRAND-Encumbered Patents in the United States and the European Union”, TTLF Working Papers (Stanford-Vienna Transatlantic Technology Law Forum, 2016).

(57). Álvaro Fomperosa Rivero, “Standard Essential Patents and Antitrust: A Comparative Analysis of the Approaches to Injunctions and FRAND-Encumbered Patents in the United States and the European Union”, p. 36 - 49.

2. Anne Layne-Farrar, “The Economics of FRAND”, *Antitrust Intellectual Property and Hightech Handbook* (Daniel Sokol ed., Forthcoming), Cambridge University Press, 2016.
3. Carlton, Dennis W. and Shampine, Allan, “An Economic Interpretation of FRAND”, *Journal of competition law & economics* (Oxford University Press) 9(3) (2013).
4. Contreras, Jorge L., “A Brief History of FRAND: Analyzing Current Debates in Standard Setting and Antitrust Through a Historical Lens”, *Antitrust Law Journal, American University*, WCL Research Paper No. 2014-18, 80, 39 (15/1/2015).
5. Damien Geradin và Miguel Rato, “Can Standard-Setting Lead to Exploitative Abuse? A Dissonant View on Patent Hold-Up, Royalty Stacking and the Meaning of Frand”, *European Competition Journal* 3, 1 (1/2007).
6. Daya Shanker, “Fault lines in the World Trade Organization: An analysis of the TRIPS Agreement and Developing Countries” (PhD thesis, University of Wollongong (Department of Economics), 2005).
7. Douglas H. Ginsburg, Koren W. Wong-Ervin, & Joshua D. Wright, “The Troubling Use of Antitrust to Regulate FRAND Licensing”, *CPI Antitrust Chronicle*, George Mason Legal Studies Research Paper No. LS.
8. Dương Anh Sơn và Trương Trọng Hiếu, “Tiêu chí kiểm soát sáp nhập ở Việt Nam và kinh nghiệm của các nước trên thế

- giới”, *Tạp chí nhà nước và pháp luật*, 338, số 6 (6/2016).
9. EC, Samsung và Apple (IP/12/1448) (EC 2012).
 10. EC, Motorola và Apple (IP/14/489) (EC 2014).
 11. Emanuela Arezzo, “Competition Policy and IPRs: An Open Debate Over an Ever-Green Issue”, *Il Diritto D’Autore (Italia)*, 3 (2004).
 12. George Mason Law & Economics Research Paper No. 15-46, 10, 1 (15/10/2015).
 13. Geradin và Rato, “Can Standard-Setting Lead to Exploitative Abuse? A Dissonant View on Patent Hold-Up, Royalty Stacking and the Meaning of Frand”.
 14. Giocoli, Nicola, “Competition vs. Property Rights: American Antitrust Law, the Freiburg School and the Early Years of European Competition Policy”, *Journal of Competition Law and Economics* 5, 4 (2009).
 15. Hillary Greene, “Patent Pooling Behind the Veil of Uncertainty: Antitrust, Competition Policy, and the Vaccine Industry”, *Boston University Law Review* 90, 4 (2/2010).
 16. “Intellectual Property Rights and Their Interface with Competition Policy: In Balance or in Conflict” (Communication Policy Research South Conference (CPRsouth5), Xi’an, China, 12/12/2010).
 17. “Intellectual Property Rights and Their Interface with Competition Policy: In Balance or in Conflict”.
 18. Layne-Farrar, Anne and Wong-Ervin, Koren W., “Methodologies for Calculating FRAND Royalty Rates and Damages: An Analysis of Existing Case Law”, *Competition Policy International - CPI*, 10/2014.
 19. Nicolas Petit, “Injunctions for Frand-Pledged Seps: The Quest for an Appropriate Test of Abuse Under Article 102 Tfeu”, *European Competition Journal* 9, 3 (18/12/2013).
 20. OECD, “Competition Policy and Intellectual Property Rights” (OECD, 1989).
 21. OECD, “Competition Policy and Intellectual Property Rights (Policy Roundtables)” (OECD, 1997).
 22. OECD, “Intellectual Property and Standard Setting” (OECD, 18/12 2014).
 23. Philippe Chappatte, “Frاند Commitments - The Case for Antitrust Intervention”, *European Competition Journal* 5, 2 (01/8/2009).
 24. Sokol, D. Daniel and Zheng, Wentong, “FRAND in China”, *Texas Intellectual Property Law Journal*, 22 (2013).
 25. Steven Semeraro, “Property’s End: Why Competition Policy Should Limit the Right of Publicity”, *Connecticut Law Review* 43, 3 (2/2011).
 26. US FTC, Motorola Mobility Inc. (File No. 121-0120) (US FTC 2013). Xem thêm hồ sơ vụ việc tại website của US FTC: <https://www.ftc.gov/enforcement/cases-proceedings/1210120/motorola-mobility-llc-google-inc-matter>